

Số: 195/BC-LLQ

Tân Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025

(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở giáo dục:** TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC LONG QUÂN

2. **Trụ sở chính:** 947/12 Lạc Long Quân Phường 11 quận Tân Bình.

Địa chỉ hoạt động khác: Không

Số điện thoại: 02838651508

Địa chỉ thư điện tử: thllquan.tanbinh@tphcm.gov.vn

Cổng thông tin điện tử: thlaclongquantanbinh.hcm.edu.vn

3. **Loại hình cơ sở giáo dục:** Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND quận Tân Bình

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường tiểu học Lạc Long Quân.**

a. Sứ Mạng

Trường Tiểu học Lạc Long Quân cam kết xây dựng ngôi trường nề nếp, kỷ cương, đảm bảo chất lượng giáo dục; học sinh được phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực.

b. Tầm Nhìn

Ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng; Giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

c. Mục Tiêu

Phát triển nhà trường theo mô hình “**Trường học thân thiện – năng động-khát vọng vươn lên**”, là mô hình giáo dục có cơ sở vật chất đáp ứng theo CTGDPT 2018, duy trì mức kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

5.1. Quá trình hình thành

Trường Tiểu học Lạc Long Quân tọa lạc tại số 947/12 đường Lạc Long Quân, phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường được thành lập theo Quyết định 13/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 1996 Quyết định đổi tên Trường PT Cấp 1 Lạc Long Quân thành Trường Tiểu học Lạc Long Quân quận Tân Bình. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của hiệu

trưởng nhà trường và định hướng cho các hoạt động của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường Tiểu học Lạc Long Quân là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8-Khóa XI “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tập thể Trường Tiểu học Lạc Long Quân quyết tâm xây dựng một ngôi trường luôn ổn định về số lượng và chất lượng đáp ứng được mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn

- Họ và tên: Phạm Huy Tuân
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Lạc Long Quân.
- Số điện thoại: 02838651508
- Địa chỉ thư điện tử: phtuan.079081023728@hcmdoet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường: Quyết định 13/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 1996 Quyết định đổi tên Trường PT Cấp 1 Lạc Long Quân thành Trường Tiểu học Lạc Long Quân quận Tân Bình.

(Quyết định kèm theo)

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: *(có quyết định kèm theo)*

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

(Quyết định kèm theo)

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy:

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học Lạc Long Quân, trong quy chế có quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường và các tổ chức, đoàn thể: *(Quy chế kèm theo)*

7.5. Các văn bản liên quan của trường tiểu học Lạc Long Quân: Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025; Quy chế dân chủ; Quy chế công khai, Quy tắc ứng xử văn hóa,...



Phạm Huy Tuân

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2024-2025
(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin chung

Thông tin	Chi tiết
Tên cơ sở giáo dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân
Địa chỉ	947/12 Lạc Long Quân Phường 11 quận Tân Bình
Điện thoại	02083862584
Email	thllquan.tanbinh@tphcm.gov.vn
Cổng thông tin điện tử	thlaclongquantanbinh.hcm.edu.vn

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Đối tượng	Số lượng	Giới tính		Trình độ đào tạo				Ghi chú
		Nam	Nữ	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	
Cán bộ quản lý	2	1	1			2		Đủ
Hiệu trưởng	1	1				1		
Phó hiệu trưởng	1		1			1		
Giáo viên nhiều môn	16	4	12		1	15		Đủ
Anh văn	3	1	2			2	1	Đủ
Mỹ thuật	0							Thiếu
Tin học	1	1				1		Đủ
Thể dục	2	1	1			2		Đủ
Âm nhạc	1		1			1		Đủ

Công tác Đội	0							Thiếu
Thư viện, thiết bị	1		1	1				Đủ
Kế toán	1		1		1			Đủ
Văn thư, thủ quỹ	1		1	1				Đủ
Y tế	0							Đủ (Kiêm nhiệm)
Hỗ trợ GDKT	0							Thiếu



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Huy Tuấn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC LONG QUÂN
Năm học 2024-2025
(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin chung

Thông tin	Chi tiết
Tên cơ sở giáo dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân
Địa chỉ	947/12 Lạc Long Quân Phường 11 quận Tân Bình
Điện thoại	02083862584
Email	thlquan.tanbinh@tphcm.gov.vn
Cổng thông tin điện tử	thlaclongquantanbinh.hcm.edu.vn

2. Tổng quan về diện tích và bình quân

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	15/15	1,2 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15 phòng	40 hs/lớp
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	1457,5 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	908 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	816 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	720	
2	Diện tích thư viện (m ²)	48	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng. (m ²)	/	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	

6	Diện tích phòng tin học (m ²)	48	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	/	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hoặc hòa nhập (m ²)	/	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội. (m ²)	15	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16 bộ	1 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.		
1.1	Khối lớp 1	3 bộ	1 bộ/1 lớp
1.2	Khối lớp 2	3 bộ	1 bộ/1 lớp
1.3	Khối lớp 3	3 bộ	1 bộ/1 lớp
1.4	Khối lớp 4	4 bộ	1 bộ/1 lớp
1.5	Khối lớp 5	3 bộ	1 bộ/1 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45 bộ	1 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dụng cụ khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3 cái	3/ 15lớp
2	Cát xét	4 cái	2/ 15 lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	2 cái	2/ 15 lớp
4	Máy chiếu đa vật thể	2 cái	2/15 lớp
5	Máy chiếu	2 cái	2/15 lớp
6	Bảng tương tác	1 cái	1/15 lớp

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	/

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/ Nữ	Chung	Nam/N ữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		5/5		0,4 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/				

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	



Phạm Huy Tuấn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2023-2024 VÀ TUYỂN SINH NĂM HỌC 2024-2025**
(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin chung

Thông tin	Chi tiết
Tên cơ sở giáo dục	Trường Tiểu học Lạc Long Quân
Địa chỉ	947/12 Lạc Long Quân Phường 11 quận Tân Bình
Điện thoại	02083862584
Email	thllquan.tanbinh@tphcm.gov.vn
Cổng thông tin điện tử	thlaclongquantanbinh.hcm.edu.vn

2. Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025

- Tuyển sinh lớp 1: 113 em/03 lớp.

- Tổng số học sinh toàn trường năm học 2024-2025:

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp Một	Lớp Hai	Lớp Ba	Lớp Bốn	Lớp Năm
I	Điều kiện tuyển sinh	- Chỉ tiêu tuyển sinh 113/3 lớp. - Ưu tiên nhận học sinh có hộ khẩu thường trú tại P.11 và P.10 – Q.TB.	- 110 em/ 3 lớp	- 101 em/ 3 lớp	- 88 em/ 3 lớp	- 93 em/ 3 lớp

3. Kết quả thực hiện chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	494	113	101	88	93	99
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99

III	Số học sinh chia theo năng lực.						
1	Tự phục vụ, tự quản	494	113	101	88	93	99
a	Tốt và Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2	Hợp tác	494	113	101	88	93	99
a	Tốt và Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
3	Tự học và giải quyết vấn đề	494	113	101	88	93	99
a	Tốt và Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất.						
1	Chăm học chăm làm	494	113	101	88	93	99
a	Tốt và Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2	Tự tin, trách nhiệm	494	113	101	88	93	99
a	Tốt và Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
3	Trung thực, kỷ luật	494	113	101	88	93	99
a	Tốt và Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Cần cố gắng	/	/	/	/	/	/

	(tỷ lệ so với tổng số)						
4	Đoàn kết, yêu thương	494	113	101	88	93	99
a	Tốt và Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập.						
1	Tiếng Việt	494	113	101	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	/	/	/	1	/
2	Toán	494	113	101	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	/	/	/	/	/
3	Khoa học	192	/	/	/	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	192 (100%)	/	/	/	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
4	Lịch sử và Địa lí	192	/	/	/	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	192 (100%)	/	/	/	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
5	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	280	/	/	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	280 (100%)	/	/	88	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						

6	Tiếng dân tộc	/	/	/	/	/	/
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
7	Đạo đức	494	113	101	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
8	Tự nhiên và Xã hội	302	113	101	88	/	/
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	302 (100%)	113	101	88	/	/
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
9	Nghệ thuật (Âm nhạc)	494	113	101	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
10	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	494	113	101	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
11	Công nghệ/Kỹ thuật	280	/	/	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	280 (100%)	/	/	88	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
12	Giáo dục thể chất	494	113	101	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành	494	113	101	88	93	99

	(tỷ lệ so với tổng số)	(100%)					
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
13	Tin học	280	/	/	88	93	99
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	280 (100%)	/	/	88	93	99
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
14	HĐTN	395	113	101	88	93	/
a	Hoàn thành tốt và Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	395 (100%)	113	101	88	93	/
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	494 (100%)	113	101	88	93	99
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường. (tỷ lệ so với tổng số)	377 (76,3%)	98	71	64	47	97
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng. (tỷ lệ so với tổng số)	65 (13,2%)	5	7	10	13	30
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Huy Tuân

